

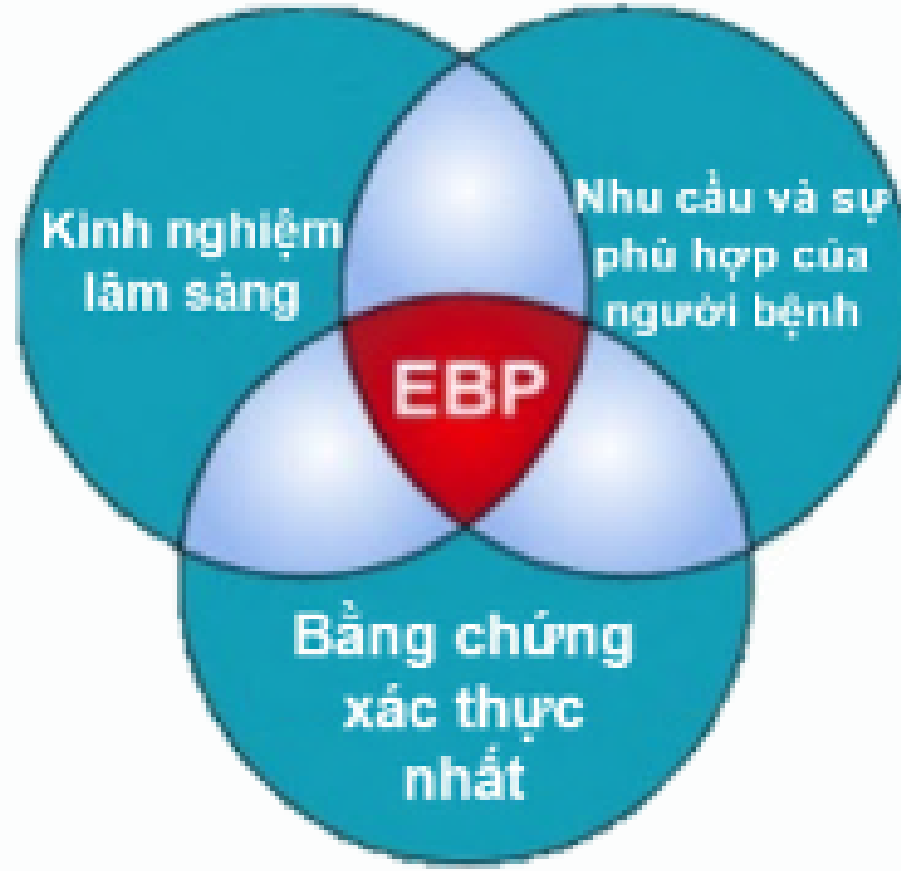
# Kiến thức, Thái độ và Thực hành dựa vào bằng chứng của điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh ung thư

Đào Hoàng Thanh Lan<sup>1</sup>, Đặng Trần Ngọc Thanh<sup>2</sup>, Phạm Minh Thanh<sup>1</sup>  
1. Bệnh viện Ung Bướu TP.HCM, 2. Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

### Định nghĩa

Thực hành dựa vào bằng chứng (THDVBC) [1]



### Tầm quan trọng

Tạo cơ hội cho việc chăm sóc: cá nhân hóa hơn, hiệu quả hơn, hợp lý hơn, tối đa hóa hiệu quả của việc chẩn đoán lâm sàng  
Giảm thiểu những tai biến trong chăm sóc và tránh các sự cố y khoa không lường trước [3, 4]

### Mục tiêu nghiên cứu

- Đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành dựa vào bằng chứng (THDVBC) của điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh ung thư.
- Xác định mối quan hệ giữa một số yếu tố liên quan với THDVBC

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Đối tượng nghiên cứu

**Dân số mục tiêu** Điều dưỡng đang công tác ở các Khoa lâm sàng tại bệnh viện Ung Bướu trong thời gian nghiên cứu

### Tiêu chuẩn chọn mẫu

- Trực tiếp chăm sóc và đang công tác.
- Thâm niên công tác:  $\geq 1$  năm.
- Đồng ý tham gia.

### Tiêu chuẩn loại trừ

- Nghỉ ốm,
- Hậu sản,
- Học tập trung,
- Công tác.

### Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chọn mẫu: ngẫu nhiên phân tầng

Trong đó:  
a: tổng số Điều dưỡng thỏa tiêu chí chọn tại khoa  
b: tổng số lượng mẫu cần lấy (194)  
c: tổng số Điều dưỡng thỏa tiêu chí chọn (325)  
n: số lượng Điều dưỡng cần đưa vào nghiên cứu

Thiết kế: Nghiên cứu cắt ngang

Tiến hành tại 15 khoa lâm sàng (khối Nội, Ngoại, Xa)

Thời gian thu thập số liệu: 01/2022 đến 05/2022

Cỡ mẫu: công thức Krejcie và Morgan (1970) [5]

$$n = \frac{(d^2(N-1) + (X^2P(1-P)))}{(1.96^2 * (325-1)) + (1.96^2 * 0.5(1-0.5))} = 176$$

Tăng 10%  $\rightarrow 194$

### Công cụ nghiên cứu

A. Đặc điểm nhân khẩu học (6 câu hỏi)

- Giới tính
- Tuổi
- Tình trạng hôn nhân
- Số năm kinh nghiệm
- Văn bằng chuyên môn cao nhất

B. Kiến thức (14 câu hỏi)

- Likert 7, thang điểm từ 1 (kém) đến 7 (rất tốt).
- Tổng điểm trung bình của bộ câu hỏi kiến thức là bằng tổng trung bình cộng 14 câu hỏi

Bộ câu hỏi của Penny Upton's

B. Thái độ (4 câu hỏi)

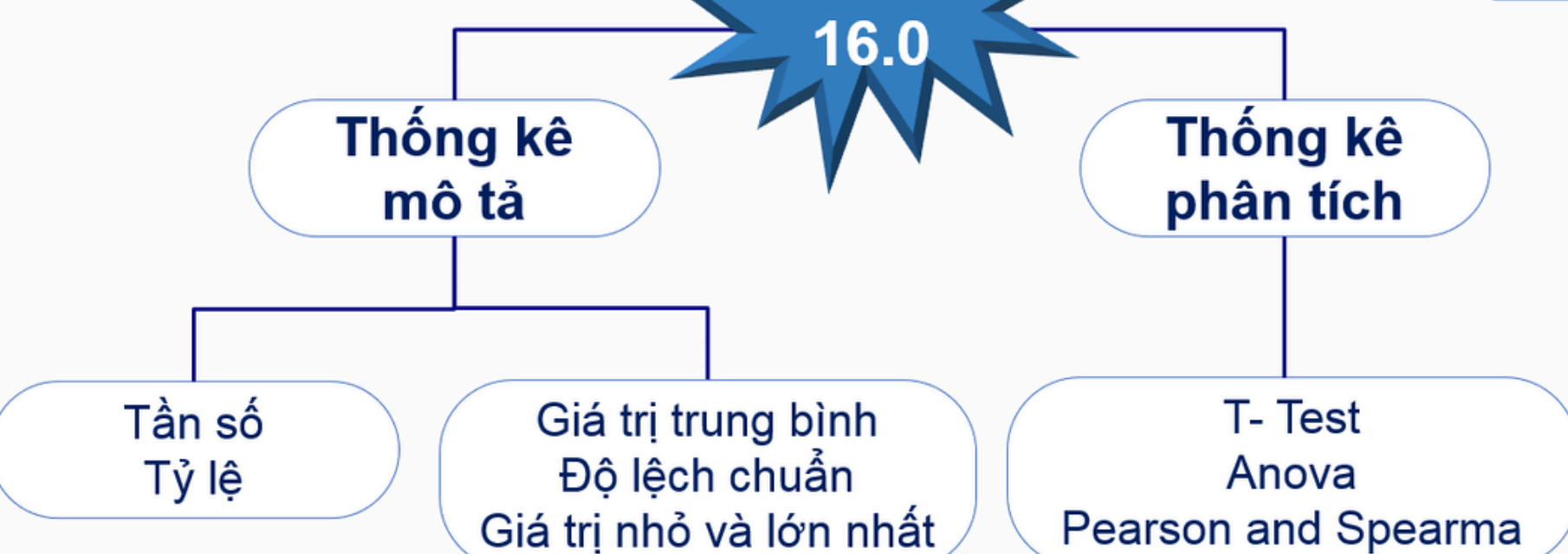
- Câu hỏi đối lập nhau theo chiều tích cực và tiêu cực.
- Tổng điểm trung bình của bộ câu hỏi thái độ là bằng tổng trung bình cộng 04 câu hỏi. Thái độ tích cực khi điểm trung bình từ 4 điểm trở lên

D. THDVBC (6 câu hỏi)

- Likert 7, thang điểm từ 1 (không bao giờ) đến 7 (luôn luôn).
- Tổng điểm trung bình của bộ câu hỏi THDVBC là bằng tổng trung bình cộng 6 câu hỏi

### Phân tích số liệu

SPSS 16.0

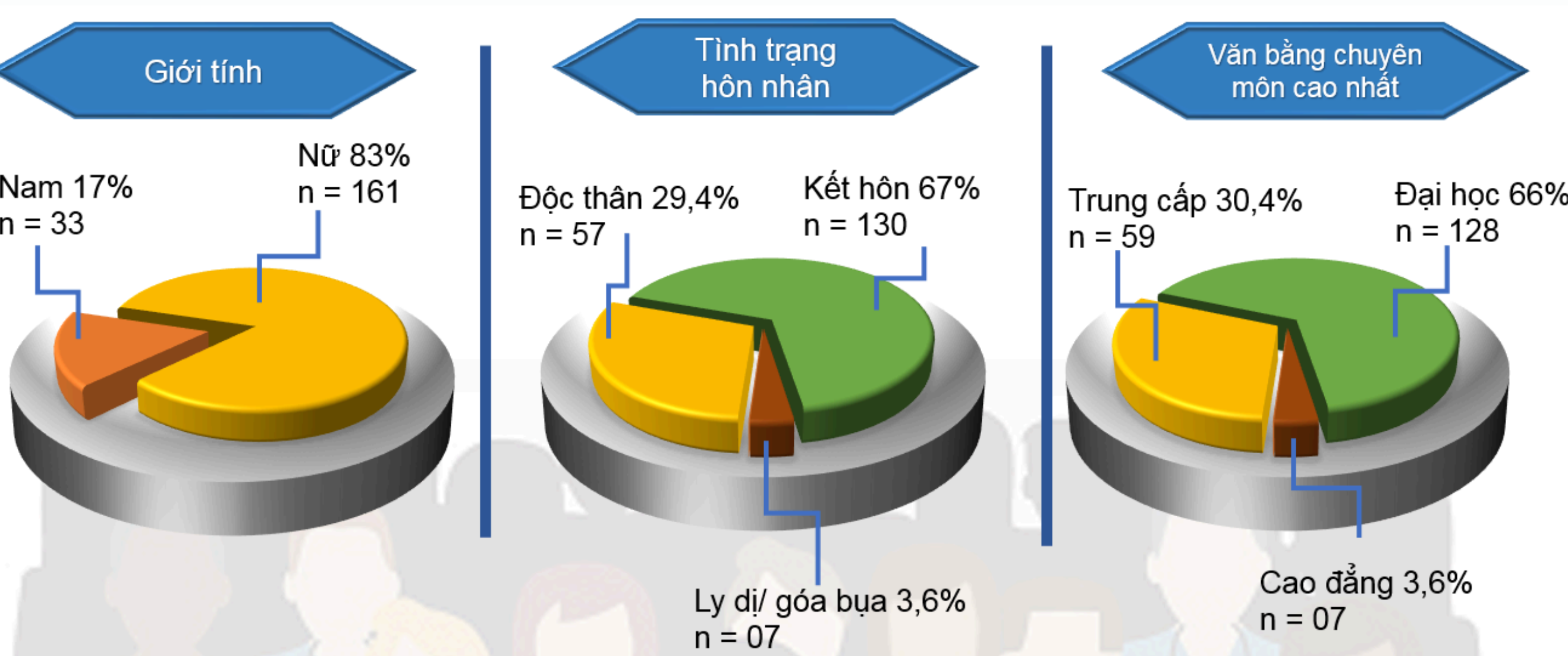


### Đạo đức trong nghiên cứu

Thông qua Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của bệnh viện Bướu Thành phố Hồ Chí Minh "Quyết định số 293A ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc chấp thuận vấn đề Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học"

## III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

### Đặc điểm nhân khẩu học



	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tuổi	23	56	34,46	6,60
Số năm kinh nghiệm	01	35	11,77	6,47

### Kiến thức

Nội dung	X ± SD
Kỹ năng nghiên cứu	3,71 ± 1,37
Kỹ năng tin học	4,37 ± 1,14
Khả năng theo dõi và đánh giá các kỹ năng thực hành chăm sóc	5,06 ± 0,99
Khả năng chuyển đổi nhu cầu thông tin của bạn thành một câu hỏi nghiên cứu	4,20 ± 1,13
Khả năng nhận thức được các loại thông tin và nguồn thông tin chính	5,03 ± 0,99
Khả năng xác định được những lỗ hổng trong thực hành nghề nghiệp	5,03 ± 0,95
Biết cách tìm kiếm được các bằng chứng liên quan đến công việc	5,04 ± 1,04
Khả năng phân tích các bằng chứng có được dựa vào các tiêu chuẩn đặt ra	4,69 ± 1,05
Khả năng xác định tính thực tiễn của tài liệu được tìm thấy	4,58 ± 1,14
Khả năng xác định mức độ hữu ích của tài liệu được tìm thấy	4,72 ± 1,12
Khả năng áp dụng các thông tin thu được cho từng trường hợp	4,72 ± 1,15
Khả năng chia sẻ ý tưởng và thông tin với đồng nghiệp	5,09 ± 1,01
Khả năng phổ biến các ý tưởng mới trong chăm sóc với đồng nghiệp	5,08 ± 1,04
Khả năng tự đánh giá / lượng giá việc thực hành chăm sóc của bản thân	5,05 ± 1,01
<b>Tổng</b>	<b>5,12 ± 0,74</b>

Kiến thức của Điều dưỡng về thực hành dựa vào bằng chứng là tích cực và điểm trung bình là 5,12 ± 0,74.

So sánh với các nghiên cứu khác

#### Tương đồng

- Yoo tại Hàn Quốc : cao [6]
- Fernandez tại Tây Ban Nha : cao [7]

#### Không tương đồng

- Dagne tại Ethiopia: thấp [8]
- Aynalem tại Ethiopia: thấp [9]
- Saunders tại Phần Lan : thấp [10]
- Fang tại Trung Quốc: thấp [11]
- N.T.B.Trâm tại Việt Nam: trung bình [12]

### Thái độ

Nội dung	X ± SD	Mức độ
Dành thời gian trong lịch trình làm việc để tìm các bằng chứng mới liên quan đến công việc	4,54 ± 1,09	Tích cực
Đón nhận các câu hỏi quan đến việc thực hành lâm sàng của mình	4,84 ± 1,08	Tích cực
Thay đổi thực hành dựa trên bằng chứng tìm thấy	4,95 ± 1,19	Tích cực
Việc thực hành chăm sóc thay đổi dựa trên bằng chứng tìm thấy	4,91 ± 1,15	Tích cực
<b>Tổng</b>	<b>4,80 ± 0,95</b>	<b>Tích cực</b>

Điểm trung bình của thái độ 4,80 ± 0,95 và được cho là tích cực khi sử dụng bằng chứng trong chăm sóc.

So sánh với các nghiên cứu khác

#### Tương đồng

- P.T. Oanh tại Việt Nam [13]
- Stokke tại Na Uy [14]

#### Không tương đồng

- Aynalem tại Ethiopia: thấp [9]
- N.T.B.Trâm : trung bình [12]

### Tài liệu tham khảo

- Luckmann R. Evidence-Based Medicine: How to Practice and Teach EBM, 2nd Edition: By David L. Sackett, Sharon E. Straus, W. Scott Richardson, William Rosenberg, and R. Brian Haynes, Churchill Livingstone, 2000. 2001;16(3):155-156. doi:10.1177/088506660101600307
- Youngblut J M, Brooten D. Evidence-based nursing practice: why is it important? AACN Clin Issues. Nov 2001;12(4):468-76. doi:10.1097/00044067-200111000-00003
- Correa-de-Araujo R. Evidence - Based Practice in the United States: Challenges, Progress, and Future Directions. Health Care Women Int. 2016;37(1):2-22. doi:10.1080/07399332.2015.1102269
- Stevens K R. The impact of evidence-based practice in nursing and the next big ideas. Online J Issues Nurs. May 31 2013;18(2):4.
- Heydari A, Mazion S R, Banjar H, Scurlock-Evans L. A study of Iranian nurses' and midwives' knowledge, attitudes, and implementation of evidence-based practice: the time for change has arrived. Worldviews on evidence-based nursing. Oct 2014;11(5):325-31. doi:10.1111/wvn.12052
- Hashneeh M O A, Alburuz M. Knowledge, attitude and practice of nurses towards evidence-based practice at Al-Medina, KSA. Jordan Medical Journal. 05/01 2017;51:47-56.
- Crabbe J, Highfield M E F, Patmon F. Evidence-based practice knowledge, attitudes, practices, and barriers. Nursing. Sep 1 2021;51(9):58-65. doi:10.1097/01.Nurse.0000754000.05371.65
- Pham Thi Oanh. Kiến thức, thái độ và kỹ năng của điều dưỡng và thực hành dựa trên bằng chứng (EBP). khoa học và công nghệ. 2018;11:157-162.
- Krejcie Robert V, Morgan Daryl W. Determining Sample Size for Research Activities. Educational and Psychological Measurement. 1970;30(3):607-610. doi:10.1177/0013164470030003008
- Upton D, Upton P, Scurlock-Evans L. The reach, transferability, and impact of the Evidence-Based Practice Questionnaire: a methodological and narrative literature review. Worldviews on evidence-based nursing. Feb 2014;11(1):46-54. doi:10.1111/wvn.12019
- Yoo JY, Kim JH, Kim JS, Kim HL, Ki JS. Clinical nurses' beliefs, knowledge, organizational readiness and level of implementation of evidencebased practice: The first step to creating an evidence-based practice culture. PloS one. 2019;14(12):e0226742. doi: 10.1371/journal.pone.0226742
- Fernandez-Salazar S, Ramos-Morillo AJ, Leal-Costa C, Garcia-Gonzalez J, Hernandez-Mendez S, Ruzafa-Martinez M. [Evidence-Based Practice competency and associated factors among Primary Care nurses in Spain]. Atención primaria. Aug-Sep 2021;53(7):102050.
- Felor Javadi Basha. Assessing Attitudes towards Knowledge and use of Evidence-Based Practice among Nurses Working in a Teaching Hospital in Kuala Lumpur. International Journal of Education & Literacy Studies. 2019;7(1)
- Kasepa P U, Mbakaya B C. Knowledge, attitude and use of evidence based practice (EBP) among registered nurse-midwives practicing in central hospitals in Malawi: a cross-sectional survey. BMC Nurs. Jun 6 2022;21(1):144. doi:10.1186/s12912-022-00916-z
- Li Ce, Li Luyu, Wang Zhewen. Knowledge, attitude and behaviour to evidence-based practice among psychiatric nurses: A cross-sectional survey. International Journal of Nursing Sciences. 2022;07/01/ 2022;9(3):343-349. doi:https://doi.org/10.1016/j.ijns.2022.06.016
- Salah MA, Abu-Moghli FA. Perceived Knowledge, Attitudes, and Implementation of Evidence-Based Practice Among Jordanian Nurses in Critical Care Units. Dimensions of critical care nursing : DCCN. Sep/Oct 2020;39(5):278-286. doi: 10.1097/dcc.0000000000000431

## III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

### Thực hành dựa vào bằng chứng

Nội dung	X ± SD
Đặt câu hỏi về vấn đề bằng chứng quan tâm	4.89 ±1.09
Tim bằng chứng liên quan	4.76 ±1.08
Đánh giá bằng chứng tìm được	4.92 ±1.17
Tích hợp bằng chứng với kiến thức chuyên môn	4.86 ±1.14
Đánh giá kết quả thực hành của chính mình	4.96 ±1.05
Chia sẻ thông tin với đồng nghiệp	5.03 ±1.08
<b>Tổng</b>	<b>4.90 ±0.99</b>

Điểm trung bình thực hành dựa vào bằng chứng đạt mức

4,90 ± 0,99

So sánh với các nghiên cứu khác

#### Tương đồng

- Yoo tại Hàn Quốc: **tốt** [6]
- Aynalem tại Ethiopia: **tốt** [15]

#### Không tương đồng

- Felor: **thấp** [16]
- N.T.B.Trâm tại Việt Nam: **thấp** [12]
- P.T. Oanh tại Việt Nam: **thấp** [13]

Dựa trên học thuyết "Sự khuếch tán của sự đổi mới" để giải thích sự khác biệt này. Những nghiên cứu này đã được khảo sát ở các nước và bệnh viện khác nhau, vì vậy có thể có sự khác biệt về điều kiện kinh tế với chúng tôi. Theo nghiên cứu của tôi, việc chăm sóc bệnh nhân ung thư đặc thù cho các tình trạng bệnh nhân khác nhau cũng như các bệnh mãn tính, vì vậy bệnh nhân sẽ tìm hiểu thêm về bệnh của họ, điều này khiến các Điều dưỡng phải thường xuyên cập nhật và tìm kiếm thông tin, bằng chứng trong công việc của họ.

### Mối liên quan với thực hành dựa vào bằng chứng

	EBP	
	r/rho	p
Kiến thức về THDVBC	<b>0,64</b>	<b>&lt;0,05</b>
Thái độ về THDVBC	<b>0,43</b>	<b>&lt;0,05</b>
Văn bằng chuyên môn cao nhất	<b>0,14</b>	<b>0,03</b>
Tuổi	<b>-0,02</b>	<b>0,78</b>
Số năm kinh nghiệm	<b>0,36</b>	<b>0,61</b>

Tương đồng với các nghiên cứu sau

Yoo [6], Felor [16], Stokke [14]

## IV. KẾT LUẬN

- Kiến thức, thái độ và thực hành dựa vào bằng chứng của Điều dưỡng tại bệnh viện Ung Bướu TP. HCM là tích cực.
- Có mối liên quan giữa thực hành bằng chứng và văn bằng chuyên môn cao nhất (rho=0.14, p=0.03), kiến thức (r=0.64, p<0.05) và thái độ (r=0.43, p<0.05).

## V. KIẾN NGHỊ

Mặc dù thái độ và THDVBC được cho là tích cực tuy nhiên thuật ngữ về THDVBC đối với điều dưỡng khá mới chính vì vậy nên có buổi tập huấn và lượng giá sau buổi tập huấn, để từ đó có thể hiểu rõ được thái độ ảnh hưởng đến THDVBC như thế nào và làm gì để nâng cao việc dành thời gian của điều dưỡng trong việc nghiên cứu tìm ra những bằng chứng hữu ích để áp dụng trong quá trình chăm sóc người bệnh.